

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 3653 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
đường giao thông nội thôn bản Giàng, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn năm 2016-2020”;

Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí tập huấn, phổ biến kiến thức đưa người Khơ Mú đi học tập kinh nghiệm và kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi thuộc chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2017;

Xét Tờ trình số 3145/TTr-SGTVT ngày 15/9/2017 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường giao thông nội thôn bản Giàng, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh; kèm theo hồ sơ thiết kế và báo cáo kết quả thẩm định công trình số 3144/SGTVT-TĐKHKT ngày 15/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường giao thông nội thôn bản Giàng, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh; với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nội thôn bản Giàng, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

2. Thuộc Đề án: Xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn năm 2016 - 2020.

3. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

4. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi bản Giàng, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhằm sớm hoàn thành mục tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng 700m đường giao thông nông thôn đạt tiêu chuẩn cấp C theo TCVN 10380 - 2014; chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$; chiều rộng lề đường $B_{l\grave{e}}=2\times0,5m=1,0m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=15km/h$; mặt đường bê tông xi măng; điểm đầu tại Km0+476,5 tiếp nối với dự án thuộc Chương trình 135 do UBND huyện Lang Chánh làm Chủ đầu tư, điểm cuối tại Km1+176,5 tiếp nối với đường đi bản Giàng.

6. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đông Phong.

7. Chủ trì thiết kế: Nguyễn Thanh Tuấn; chủ trì khảo sát: Dương Mạnh Hà; chủ trì lập dự toán xây dựng công trình: Kỹ sư định giá Nguyễn Thanh Bình.

8. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 3144/SGTVT-TĐKHKT ngày 15/9/2017.

9. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Bình đồ tuyến: Tuyến đi trùng đường cũ, mở rộng cục bộ nền đường tại một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường; toàn tuyến có 19 đường cong nằm, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=21m$.

b) Trắc dọc tuyến: Đường đồ được thiết kế trên cơ sở tận dụng nền đường cũ, hạn chế khối lượng đào đắp; độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=15,0\%$.

c) Mặt cắt ngang tuyến: Chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$; chiều rộng lề đường $B_{l\grave{e}}=2\times0,5m=1,0m$; độ dốc ngang mặt đường $i_{m\grave{a}t}=2\%$, lề đường $i_{l\grave{e}}=4\%$.

Bố trí mở rộng mặt đường phần xe chạy theo quy định đối với các đoạn tuyến nằm trong đường cong nằm có bán kính nhỏ hơn 50m.

d) Mặt đường: Mặt đường bằng bê tông xi măng M250 đá (1x2)cm dày 16cm trên lớp ni lông chống mất nước và lớp cát tạo phẳng dày 3cm.

e) Nền đường

- Nền đường đắp bằng đất, độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy 1/1,5;
- Đối với nền đường đào: Đào nền đường đến cao độ đáy móng đường, lu lèn đảm bảo độ chặt yêu cầu K95; độ dốc mái ta luy 1/1.

f) Công trình thoát nước

- Thoát nước dọc: Bằng chảy tỏa và hệ thống rãnh dọc tiết diện hình thang có kích thước (40+120)x40cm.
- Thoát nước ngang: Bằng 03 cống bản $B=(0,75-1,4)m$ còn tốt trên tuyến có kết cấu bằng bê tông, BTCT được sử dụng lại.

g) Điểm tránh xe: Bố trí 02 điểm tránh xe tại vị trí Km0+637 (bên phải tuyến) và Km1+020 (bên trái tuyến), bề rộng mặt đường mở thêm rộng 2,5m; tổng chiều dài vị trí tránh xe 15m; kết cấu giống mặt đường phần tuyến.

h) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hệ thống biển báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

10. Địa điểm xây dựng: Xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

11. Diện tích sử dụng đất: 0,42 ha.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Nằm trong phạm vi nền đường cũ, không thực hiện giải phóng mặt bằng.

13. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

14. Dự toán xây dựng công trình: 900.000.000 đồng

(Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng)

Trong đó:	- Chi phí xây dựng	: 716.576.000 đồng.
	- Chi phí quản lý dự án	: 15.301.000 đồng.
	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	107.315.000 đồng.
	- Chi phí khác	: 51.351.000 đồng.
	- Chi phí dự phòng	: 9.457.000 đồng.

(Chi tiết dự toán có phụ lục kèm theo)

15. Nguồn vốn: Kinh phí chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017.

16. Số bước thiết kế: 01 bước thiết kế bản vẽ thi công.

17. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2018.

18. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Trường Ban Dân tộc tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 3144/SGTVT-TĐKHKT ngày 15/9/2017.

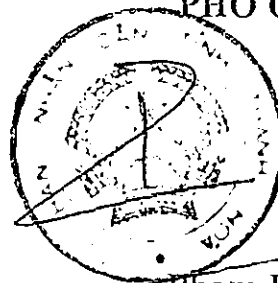
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Trưởng Ban Dân tộc và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /~~UBND~~/

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Phó Chủ tịch Phạm Đăng Quyền;
 - Phó CVP Phạm Đình Minh;
 - Lưu: VT, VX.
- DTMN/2017/Ngọc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG
 Công trình: Đường giao thông nội thôn bản Giàng, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa
 (Kèm theo Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục chi phí	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Dự toán xây dựng công trình
I	Chi phí xây dựng	Dự toán chi tiết	651,432,384	65,143,238	716,576,000
II	Chi phí Quản lý dự án	2.936% x 0,8x 651,432,384	15,300,844		15,301,000
III	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng		95,882,000	9,432,328	107,315,000
1	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5.4% x 651,432,384	35,177,349	3,517,735	38,695,000
2	Chi phí khảo sát	Dự toán chi tiết	38,280,552	3,828,055	42,109,000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4.072% x 38,280,552	1,558,784	-	1,559,000
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.203% x 651,432,384	20,865,379	2,086,538	22,952,000
5	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu	Mức thu tối thiểu theo Nghị định 63/2016/NĐ-CP ngày 26/6/2014			1,000,000
6	Chi phí đánh giá hồ sơ đề xuất				1,000,000
IV	Chi phí khác		46,303,875	4,045,730	51,351,000
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	0.019% x 900,000,000	171,000	-	171,000
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	0.109% x 651,432,384	710,061	-	710,000
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	0.106% x 651,432,384	690,518	-	691,000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Mức thu tối thiểu theo Nghị định 63/2016/NĐ-CP		-	1,000,000
5	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công	2.000% x 651,432,384	13,028,648	1,302,865	14,332,000
6	Chi phí phục vụ trực tiếp thi công xây dựng công trình	2.000% x 651,432,384	13,028,648	1,302,865	14,332,000
7	Chi phí kiểm toán	1.600% x 900,000,000	14,400,000	1,440,000	15,840,000
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0.950% x 0,5x 900,000,000	4,275,000	-	4,275,000
V	Chi phí dự phòng cho rủi ro lượng phát sinh	1.062% x 9,457,000			9,457,000
Tổng mức đầu tư xây dựng công trình		I+II+III+IV+V		700,000,000	900,000,000